

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+VSP01+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+0+10	0+0+0	Chuyen 5 P4-VSP01, 1 về ghế phụ
2		P4+RC3+RP2	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+1	0+0+0	Chuyen 2 RC3-RP2
3		RP3+TD2+TTC1	7:25	16+6+0	0+0+0		9+5+0	0+0+0	Chuyen 4 RP3-TTC1
4		AMD+TGTH5+HSD	7:25	14+4+4	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
5		P3+AMD	9:25	13+9	0+0		5+17	0+0	
6		P7+TD2	9:25	11+11	0+0		12+10	0+0	
7		P5+P1	9:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
8		PPD+BK4+BK3	9:25	22+0+0	0+0+0		18+0+0	0+0+0	Chuyen 4 BK4-BK3
9		P7+BK20+BK19	11:25	22+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	Chuyen 2 BK20-BK19
10		P1+P3	11:25	14+8	0+0		7+13	0+0	
11		P5+RP3	11:25	17+5	0+0		15+6	0+0	
12		PPD+P11+P4	11:25	20+2+0	0+0+0		12+0+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 4 người P4 đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	TO: P4 -VSP01-CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - thông	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	16	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	10	1	5		80	KHI	Vietnamese
3	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	05	1			65	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MINH	P4				120	80	KHI	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHI	P4					67	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THĂNG	P4					70	NIPI	Vietnamese
7	ĐỖ HỮU NAM	P4	11	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VINH	P4	12	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ BẢO AN	P4	08	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO MINH TUẤN	P4	14	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH ĐỨC	P4	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN CHIẾN	P4	18	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HẬU	P4	02	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TAM THUY	P4	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	P4	21-22	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	15	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HÀ	P4	07	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	01	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	03	1	5		65	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	04	1	2		55	KHI	Vietnamese
22	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	06	1	5		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	110	1.591	120	13	4	CHUYỂN 04 PAX TỪ P4 SANG VSP01 ĐINH MẠNH ĐỨC THAY CẢ CTK3
2	VSP01	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	20	110	1.591	120	22		
WEIGHT KG				110	1.591	120			

GRAND TOTAL: 1.821 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	TO: P4 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: QViệt - XTrường - Toàn	ETA: 09:30
VANG-1			

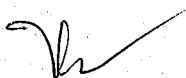
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	P4					72	KHI	Vietnamese
2	SAGIROV M. S.	P4	06	1	7		72	KH-THAC	Russian
3	LAM VAN PHUC	P4	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THUONG	P4	16	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG KHAC DU	P4	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH CAM	P4	11-12	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG THANH	P4	19	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN TOAN	P4	14	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM XUAN HAI	P4	13	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NAM	P4	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN CONG TINH	P4	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀ VAN QUYNH	P4					77	KHI	Vietnamese
13	HOANG TRONG TAN	P4	24-25	2	7		76	KHI	Vietnamese
14	LÊ MINH HIỂU	P4	07	1	8		72	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG KIEM	P4	22	1	5		82	KHI	Vietnamese
16	PHAM HUU THO	P4	08-09	2	11		65	KHI	Vietnamese
17	LÊ HUY CHUONG	P4	21	1	8		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN THANH GIAP	P4	23	1	5		68	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN ANH	P4	17	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	LÊ TRUNG LAM	P4	18	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	ĐẶNG BA DIÊU	P4	02-04	3	18		55	YTE	Vietnamese
22	TRAN GIA HAI	P4	05	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

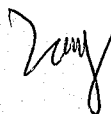
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	25	132	1.520	0	20		CHUYEN 2 KHACH TU RC3 SANG RP2
2	RC3	0	0	0	0	0	0		
3	RP2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	132	1.520	0	22		
WEIGHT KG				132	1.520	0			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

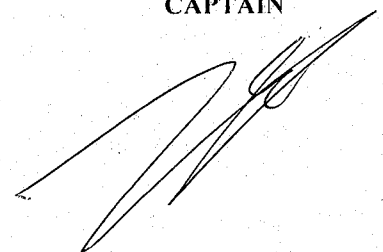
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP3 - TD2 - TTC1	CREW: TUYEN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	58	1	4		75	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	61	1	5		80	KHI	Vietnamese
3	TU NGOC HAI	RP3	77,62	2	12		72	KHI	Vietnamese
4	VU MẠNH CUONG	RP3	82	1	5	50	70	KHI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	35	1	5	20	75	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN PHU	RP3	78	1	3		70	KHI	Vietnamese
7	LÊ HOANG ANH	RP3	36	1	8		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC CUONG	RP3	79	1	10		80	KHI	Vietnamese
9	BUI QUỐC DUONG	RP3	80	1	3		54	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HA	RP3	81	1	5		80	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH QUANG HUY	RP3					71	KHI	Vietnamese
12	LÊ XUAN HIEN	RP3	59	1	6		76	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	39	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	60	1	4		62	KHI	Vietnamese
15	LE NHU NGUYEN	RP3	37-38	2	10		58	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN HUNG	TD2	59	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VAN CHINH	TD2	0				80	KHOAN	Vietnamese
18	DO VAN CUONG	TD2	55	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	BUI NGOC DO	TD2	56	1	4	60	70	KHOAN	Vietnamese
20	LE VIET CHIEN	TD2	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	QUACH VAN TOI	TD2	58	1	5		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	16	85	1.058	70	9	4	CHUYEN 04 PAX RP3-TTC1
2	TD2	6	5	25	457	60	5		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	21	110	1.515	130	14		
WEIGHT KG				110	1.515	130			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

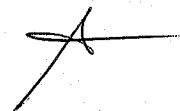
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: AMD - TGTH5 - HSD	CREW: Hạnh - Dương - THỤ	ETA: 09:20
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STANLEY FUREY	AMD	74-75	2	15		107	BAB	British
2	TRAN ANH QUAN	AMD	68	1	10		64	TLJOC	Vietnamese
3	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	64	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ANH NGŨ	AMD	76	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ BÀ THANH	AMD	67	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HIỆU THAO	AMD	73	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	83-85	3	15	120	66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HỮU CHÍNH	AMD	61	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	62	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HÙNG	AMD	69-70	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	65	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	63	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	71-72	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
15	PHUNG MINH HAI	TGTH5	12	1	8		73	HLJOC	Vietnamese
16	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH5	25	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	13	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
18	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH5	23-24	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THỤ	HSD	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	HSD	47	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CUÔNG	HSD	45-46	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỊNH SONG	HSD	48	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	19	129	965	120	12		
2	TGTH5	4	5	36	279	0	4		
3	HSD	4	5	29	264	0	6		
TOTAL		22	29	194	1.508	120	22		
WEIGHT KG				194	1.508	120			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P3 - AMD	CREW: TTrung - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P3	22	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P3					60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P3	14	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
4	LÂM TUẤN KHAI	P3	27	1	6	21	60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ KHAI ĐẠT	P3	23-24	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI BẢO	P3	21	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
7	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	13	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG THANH	P3	20	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG NAM	P3	15	1	11	20	66	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P3	17	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VĂN HẠNH	P3	25-26	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P3	18-19	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HẠNH	P3	30-31	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	51	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	TÀNG VĂN BA	AMD	54	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	47-48	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	52	1	7	40	66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	46	1	11		92	KH-THAC	Vietnamese
20	VU VAN QUYET	AMD	43	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
21	DO VAN TUAN	AMD	44-45	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN LÊ MINH TOÀN	AMD	49-50	2	12		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	16	121	887	81	5		
2	AMD	9	12	80	630	40	17		
TOTAL		22	28	201	1.517	121	22		
WEIGHT KG				201	1.517	121			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	TO: P7 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:10
CAM-2			

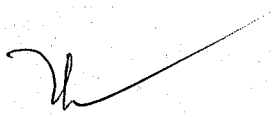
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG DIỆP PHI	P7					80	KHOAN	Vietnamese
2	CAO DINH THANH	P7					65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU NAM	P7	17	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NHAT QUANG	P7					62	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH TRUNG NGHIA	P7	13	1	4	130	70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TU DO	P7	15	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	TELESHENKO IVAN	P7	18	1	18		95	KHOAN	Russian
8	NGUYEN TRONG THUY	P7					68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐAU VAN MINH	P7					75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HAU	P7	16	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	NHAM ĐỨC QUANG	P7	14	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THANG	TD2	47	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	VUONG DINH LIEN	TD2	49	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
14	BUI NGOC DUNG	TD2	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VAN BAC	TD2	60	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG DINH THANG	TD2	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN NGHIA	TD2	46	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	DO VAN QUANG	TD2	44	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH PHUONG	TD2	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	DUONG QUOC VIET	TD2	45	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
21	BUI CONG THANG	TD2	51	1	18		55	KH-THAC	Vietnamese
22	DO THANH HAI	TD2	50	1	5		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	11	6	47	803	130	12		
2	TD2	11	11	76	794	0	10		
TOTAL		22	17	123	1.597	130	22		
WEIGHT KG				123	1.597	130			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

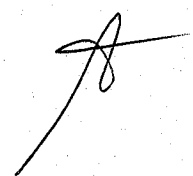
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	TO: P5 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - thông	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	45	1	5	80	82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	40	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5	48	1	6	20	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	39	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	47	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG VĂN THÀNH	P5	38	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CAO MẠNH	P5	46	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH QUANG	P5	42-43	2	18		76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÙNG	P1	75	1	5	10	65	KH-THAC	Vietnamese
12	NINH QUỐC HỘI	P1	76	1	17		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	83	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐĂNG PHONG	P1	74	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	78	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	79	1	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN THẮNG	P1	73	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
19	VỊ KHẮC THANH	P1	77	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN TUẤN	P1	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BÙI HUY NGHIỆP	P1					77	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG VAN TRONG	P1	81	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

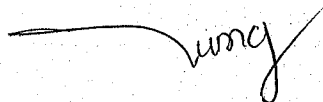
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	10	11	63	738	100	7		
2	P1	12	10	78	844	25	15		
TOTAL		22	21	141	1.582	125	22		
WEIGHT KG				141	1.582	125			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: PPD - BK4 - BK3	CREW: HUNG - Mạnh - Huy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THĂNG	PPD	82	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HỒ HAI	PPD	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	75	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	76-77	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	71	1	6		84	KHI	Vietnamese
7	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	63	1	6		85	KHI	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC QUY	PPD	74	1	5		77	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	69	1	6		77	KHI	Vietnamese
10	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	80,72	2	10		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	68	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	55	1	5	25	67	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PPD	79	1	7		80	KHI	Vietnamese
14	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	73	1	7		62	KHI	Vietnamese
15	LÊ TIẾN QUY	PPD	70	1	6		72	PSV	Vietnamese
16	PHAN NGỌC AN	PPD	61-62	2	8		72	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN SƠN TÙNG	PPD	64-65	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG THANH TUYEN	PPD	56-58	3	15		78	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH CUONG	PPD	59-60	2	10		67	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HUAN	PPD	66-67	2	15		60	CODIEN	Vietnamese
21	BUI NGỌC HUONG	PPD	78	1	7		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	28	158	1.496	25	18		CHUYEN 4 PAX BK4-BK3
2	BK4	0	0	0	0	20	0 + 4		
3	BK3	0	0	0	0	25	0		
TOTAL		21	28	158	1.496	70	18		
WEIGHT KG				158	1.496	70			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: P7 - BK20 - BK19	CREW: ĐỨC - KHAI - thông	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HUYNH	P7	97	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	BUI THE DIEN	P7	33	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MANH CUONG	P7	34	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH TRONG	P7					68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE XUAN TUYEN	P7					63	KHOAN	Vietnamese
6	LE NGOC BINH	P7	900,99	2	13		85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN HOA	P7	05	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN SON	P7	31-32	2	10	15	60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TIEN HIEP	P7	78	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI CONG LAN	P7					68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC SON	P7	30	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH VAN PHUONG	P7					78	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRONG NGHIA	P7	94	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM DANG GIANG	P7	93	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	P7	01	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HUU TRI	P7	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HONG GIANG	P7	95-96	2	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NINH VAN SON	P7	02	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HOAI THANH	P7	76-77	2	9		68	YTE	Vietnamese
20	DAO TUAN CHU	P7	04	1	3		68	PSV	Vietnamese
21	PHAM THE CONG	P7	77	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	MAI MINH TIEN	P7	98	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	22	110	1,518	15	20		CHUYEN 2 KHACH BK 20 SANG BK 19
2	BK20	0	0	0	0	0	0	td	
3	BK19	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	22	110	1,518	35	20		
WEIGHT KG				110	1,518	35			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pax an cantin

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	TO: P1 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: <i>Nguyễn</i> : - ĐNam - Vũ	ETA: 13:15
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TU	P1	97	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ HỮU CHUNG	P1	98	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG TIẾN	P1	99	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG ĐỨC TOÀN	P1	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	96	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	4000	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	99	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH HIẾU	P1	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	400	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUANG ANH	P1	17-18	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH QUỐC	P1	21-22	2	15		70	T-TIN	Vietnamese
13	VŨ VĂN QUANG	P1	97-98	2	12	48	65	T-TIN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN KÝ	P1	19-20	2	12		66	YTE	Vietnamese
15	ĐO QUỐC VŨ	P3	38-39	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚ NAM	P3	40	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ HOÀNG TIẾN	P3	35	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG THANH	P3	34	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC DOANH	P3	43	1	3		73	GETRACO	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH VĂN	P3	44	1	7		74	GETRACO	Vietnamese
21	ĐINH SONG HAI	P3	41-42	2	14		55	YTE	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN TUÂN	P3	36	1	10	18	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

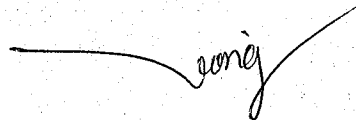
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	17	112	950	48	7		
2	P3	8	10	89	542	18	13		
TOTAL		22	27	201	1.492	66	20		
WEIGHT KG				201	1.492	66			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


pax in ctin

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	TO: P5 - RP3	CREW: HUNG - Mạnh - Huy	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUONG	P5	33	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DINH DAI	P5	61-62	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGUYEN DUY NHAN	P5	65	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG HÂN	P5	58-59	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P5	55	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HUYNH ĐỨC TÂM	P5	38	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC CHÍN	P5	32-33	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN PHUC HIEN	P5	34-35	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN DAT	P5	68-69	2	19		85	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN THANH	P5	36-37	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ QUỐC TUÂN	P5	66-67	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG VŨ	P5	39-40	2	20		45	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	P5	63-64	2	10		68	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ KHẮC ĐA	P5	56	1	4		66	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO XUÂN THANH	P5	60	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	ĐINH VĂN LŨU	P5	57	1	6		52	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAI	P5	41	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TA PHI KHANH	RP3	29	1	2		70	KHI	Vietnamese
19	LAI VAN MINH	RP3	26	1	4		64	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HAI TRUNG	RP3	25	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	HOANG TRUNG ĐỨC	RP3	27-28	2	10		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG THANH	RP3	30	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	17	26	225	1.133	0	15		
2	RP3	5	6	24	339	0	7		
TOTAL		22	32	249	1.472	0	22		
WEIGHT KG				249	1.472	0			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	TO: PPD - P11 - P4	CREW: TTrung - NPhú - QTrưởng	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY VINH	PPD	48	1	4		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	39-40	2	10		70	KHI	Vietnamese
3	HA THE BAO	PPD					67	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	52	1	4	140	55	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	50	1	5		80	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN CHIEN	PPD	41	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	ĐẠO ANH TUÂN	PPD	35	1	3		65	KHI	Vietnamese
8	TRẦN HOANG CHUONG	PPD	49	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	PPD	51	1	4		56	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUC	PPD	36-37	2	13		67	KHI	Vietnamese
11	CAO MINH TUÂN	PPD	43-45	3	18		75	KHI	Vietnamese
12	BUI VĂN DU	PPD	22-23	2	18		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HAO	PPD	53	1	9		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN MINH PHUC	PPD	21-22	2	18		70	KHI	Vietnamese
15	BUI VAN DUNG	PPD	25-27	3	18		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CHON	PPD	24	1	10		67	KHI	Vietnamese
17	PHẠM THANH BÌNH	PPD	42	1	9		85	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	46-47	2	15		70	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH ĐỒNG	PPD	38	1	3		45	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHUÔNG	P11	08	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN DUY LONG	P11	06-07	2	12		54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

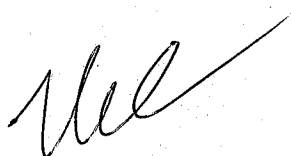
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	27	171	1,282	140	12		
2	P11	2	3	22	114	0	0		
3	P4	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		21	30	193	1,396	140	21		
WEIGHT KG				193	1,396	140			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





pax ăn ăn ăn